

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2-3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 34

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 50 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 17.1 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Tổng giám đốc:



Nguyễn Hùng Minh

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 30/09/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	9.088.574.111	7.012.432.135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	55.347.383	183.322.325
1. Tiền	111	55.347.383	183.322.325
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	462.029.308	461.674.108
1. Chứng khoán kinh doanh	121	300.322.358	300.322.358
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	161.706.950	161.351.750
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.104.634.471	5.274.647.473
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.418.883.846	1.237.104.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.140.083.263	1.033.250.419
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	763.601.528	818.830.021
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.787.654.328	2.190.802.414
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(5.668.348)	(5.641.511)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	79.853	301.596
IV. Hàng tồn kho	140	1.335.531.608	1.001.295.693
1. Hàng tồn kho	141	1.337.252.792	1.002.310.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(1.721.184)	(1.014.894)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	131.031.341	91.492.536
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	26.026.579	26.640.250
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	91.182.796	51.030.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.821.965	13.821.965
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	22.492.934.107	21.475.620.871
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.424.092.598	1.291.330.894
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	30.827.949	15.977.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.393.264.649	1.275.352.945
II. Tài sản cố định	220	4.760.245.485	4.593.644.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	864.536.488	755.351.753
- Nguyên giá	222	1.433.220.287	1.288.411.756
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(568.683.800)	(533.060.003)
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.895.708.997	3.838.292.739
- Nguyên giá	228	4.000.711.818	3.930.661.350
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(105.002.821)	(92.368.611)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	626.418.921	634.455.290
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	626.418.921	634.455.290
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15.565.469.614	14.822.583.396
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.591.896.886	14.876.246.481
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.140.000	7.140.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(96.067.640)	(123.303.454)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	116.707.488	133.606.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	116.036.689	114.917.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	670.799	18.689.047
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	31.581.508.218	28.488.053.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 30/09/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	6.821.864.128	4.862.632.745
I. Nợ ngắn hạn	310	6.818.510.135	4.850.230.313
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.449.855.219	922.337.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	400.401.043	88.750.342
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	25.021.885	20.643.662
4. Phải trả người lao động	314	-	16.870.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	98.052.629	85.179.505
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	798.436	1.004.680
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	264.611.666	610.222.864
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	3.579.607.532	3.105.059.619
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	161.727	161.727
II. Nợ dài hạn	330	3.353.993	12.402.432
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	9.200.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.353.993	3.202.432
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24.759.644.090	23.625.420.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	24.759.644.090	23.625.420.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16.580.000.000	4.145.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	16.580.000.000	4.145.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	29.878.837	2.998.618.837
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	(6.840.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.149.765.253	16.488.641.424
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	3.661.441.007	13.941.041.007
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	4.488.324.246	2.547.600.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+500)	440	31.581.508.218	28.488.053.006


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hưng Minh
Tổng giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngân VND

Chi tiêu	Mã số	Quý IV.2017	Quý IV.2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8.278.790.684	12.406.361.234
2. Các khoản giảm trừ	02	13.446.753	-6.961.692
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	8.265.343.931	12.413.322.927
4. Giá vốn hàng bán	11	7.936.481.093	12.004.823.369
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	328.862.838	408.499.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.893.749.915	3.818.911.063
7. Chi phí tài chính	22	11.689.447	4.996.109
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	28.380.322	29.387.642
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	134.847.397	134.266.296
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	141.427.349	117.486.944
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.934.648.561	3.970.661.271
12. Thu nhập khác	31	32.904.067	33.487.798
13. Chi phí khác	32	6.081.375	12.492.455
14. Lợi nhuận khác	40	26.822.692	20.995.343
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.961.471.253	3.991.656.613
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.729.175	74.654.513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	18.018.249	-2.800.692
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.940.723.829	3.919.802.793

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc



Ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Ngân VND


Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV.2017	Quý IV.2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.961.471.253	3.991.656.613
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	48.496.842	41.806.811
- Các khoản dự phòng	03	884.688	14.339.186
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(366.812)	(171.650.643)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.901.482.676)	(3.610.473.555)
- Chi phí lãi vay	06	28.380.322	29.387.642
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	137.383.616	295.066.054
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(614.299.378)	9.523.904.472
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(325.826.024)	344.788.561
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	1.413.743.300	(9.882.350.856)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(576.648)	(11.813.683)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.392.938)	(23.584.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(50.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(9.282.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	582.031.927	186.727.907
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(136.820.978)	(29.151.099)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.400
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(317.957.539)	(61.670.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	357.980.833	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(715.627.188)	(87.951.079)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	434.909.981	615.950.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(377.514.891)	437.181.735


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV.2017	Quý IV.2016
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.660.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.839.491.173	3.123.445.686
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.364.626.585)	(3.728.246.348)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(823.016.802)	(114.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(332.492.215)	(604.915.290)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(127.975.179)	18.994.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	183.322.325	229.680.933
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	237	(598)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	55.347.383	248.674.687


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hưng Minh
Tổng giám đốc



Ngày 31 tháng 01 năm 2018